

Bản án số: 583/2021/LĐ-ST

Ngày: 16-12-2021

V/v: “Tranh chấp tiền lương và trợ cấp
khi chấm dứt Hợp đồng lao động”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kiên Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Xuyên

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trinh – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hồng – Kiểm Sát Viên.

Trong ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2021/TLST-LĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 về “*Tranh chấp tiền lương và trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2021/QĐXXST-LĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 231/2021/QĐST-LĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1977

Địa chỉ: phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty Cổ phần A

Trụ sở: đường m, phường n, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phan Thanh T, sinh năm 1973 là người đại diện theo pháp luật Công ty.

Địa chỉ: phường x, quận y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:

Ông Huỳnh Văn T làm việc tại Công ty Cổ phần A (Sau đây gọi là Công ty) từ tháng 12 năm 2015 theo Hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Khi ký kết hợp đồng ông không có giữ nên không có đề nộp cho Tòa án.

Ngày 28/02/2020, Công ty ban hành Quyết định số 28.2/QĐ/GEL-MN/2020 cho thôi việc ông T kể từ ngày 01/4/2020.

Việc Công ty chấm dứt Hợp đồng lao động là không đúng quy định của pháp luật nhưng ông không yêu cầu giải quyết. Ông chỉ yêu cầu Công ty trả tiền lương con nợ theo các văn bản xác nhận của Công ty ngày 04/4/2020 như sau:

1. Lương chuyển khoản và tiền mặt là 160.000.000 đồng.
2. Lương chênh lệch thỏa thuận còn thiếu là 120.000.000 đồng.
3. Trợ cấp thôi việc (mỗi năm làm việc là nửa tháng lương): 65.000.000 đồng.

Đến nay Công ty đã thanh toán cho ông được 15.000.000 đồng vào ngày 01/9/2020 và 25.400.000 đồng ngày 05/11/2020, ngày 27/02/2021 trả 10.000.000 đồng.

Do đó, số tiền mà Công ty còn nợ là 294.600.000 đồng.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Công ty trả số tiền nợ lương và trợ cấp là 294.600.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn Công ty Cổ phần A nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: các đương sự đã chấp hành quy định pháp luật và Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết Tòa án:*

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn T khởi kiện, yêu cầu Công ty Cổ phần A trả tiền lương và trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động nên đây là vụ án dân sự,

tranh chấp lao động yêu cầu trả tiền lương và trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn Công ty Cổ phần A có địa chỉ trụ sở tại Quận 3 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3 được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ lao động giữa ông Huỳnh Văn T và Công ty Cổ phần A:

Ông Huỳnh Văn T làm việc tại Công ty Cổ phần A từ tháng 12 năm 2015 theo Hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Khi ký kết hợp đồng ông không có giữ nên không có đề nộp cho Tòa án. Tuy nhiên, căn cứ vào Sổ bảo hiểm xã hội số 7909351475 thể hiện quá trình ông Huỳnh Văn T và Công ty có quan hệ lao động từ tháng 05/2016.

Ngày 28/02/2020, Công ty ban hành Quyết định số 28.2/QĐ/GEL-MN/2020 cho thôi việc ông T kể từ ngày 01/4/2020. Ông Huỳnh Văn T không có ý kiến đối với việc chấm dứt hợp đồng lao động. Do đó, việc chấm dứt hợp đồng lao động giữa Công ty và ông T thuộc trường hợp hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng theo khoản 3 Điều 34 Bộ luật Lao động năm 2019.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn ông Huỳnh Văn T:

Ông Huỳnh Văn T yêu cầu Công ty trả số tiền còn nợ là 294.600.000 đồng.

Tại Bảng tính lương còn thiếu ngày 14/4/2020, Công ty và ông T xác nhận tiền lương còn thiếu từ tháng 4 năm 2019 đến tháng 03 năm 2020 là 160.000.000 đồng; Tại Bảng tính lương thỏa thuận còn thiếu ngày 14/4/2020 thể hiện công ty còn nợ ông T số tiền 120.000.000 đồng còn thiếu; Tại Bảng tính trợ cấp thôi việc ngày 14/4/2020 thể hiện hai bên thỏa thuận trợ cấp thôi việc còn nợ là 65.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền Công ty trả cho ông T sau khi chấm dứt Hợp đồng lao động là 345.000.000 đồng.

Trước và sau khi thụ lý vụ án, Công ty đã chuyển khoản thanh toán cho ông T được 15.000.000 đồng vào ngày 01/9/2020 và 25.400.000 đồng ngày 05/11/2020, ngày 27/02/2021 trả 10.000.000 đồng. Số tiền Công ty còn nợ ông T là 294.600.000 đồng

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ xác định hai bên thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động và thỏa thuận về việc trả tiền lương và trợ cấp thôi việc. Mức trợ cấp thôi việc thỏa thuận là có lợi cho người lao động nên có cơ sở xem xét. Xét trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập hợp lệ nhưng phía Công ty không có ý kiến phản đối mà vẫn tiếp tục thanh toán cho ông T từng lần nhưng vẫn vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền thỏa thuận.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định:

“Điều 48. Trách nhiệm khi chấm dứt hợp đồng lao động

1. Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động, hai bên có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản tiền có liên quan đến quyền lợi của mỗi bên...”

Từ những căn cứ và nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn Công ty thanh toán số tiền còn thiếu là 294.600.000 đồng.

[7] Về án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí 8.838.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 267, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 34, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Lao động năm 2019

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn T: Bị đơn Công ty Cổ phần A thanh toán số tiền còn thiếu là 294.600.000 đồng (Hai trăm chín mươi bốn triệu sáu trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi được tính theo lãi suất trần huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm trả lương trên số tiền còn phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn Công ty Cổ phần A phải chịu án phí là 8.838.000 đồng (Tám triệu tám trăm ba mươi tám ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THA DS Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoa

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN
- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kiên Hiền

Nguyễn Thị Xuyên

Nguyễn Thị Hoa